TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **97**/2022/QĐST - HNGĐ	*Quận 4, ngày 31 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1990.

Thường trú: 540/9 A, Phường B, quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 363/8 V, ấp 1, xã F, huyện J, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tuấn T2**, sinh năm 1986.

Thường trú: 330/47 G, Phường U, Quận O, TP. Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 756/54/10 E, Phường R, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thỏa T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Tuấn T2, (Giấy chứng nhận kết hôn số: 25 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/3/2012).

2. Công nhận sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn T2 T5, sinh ngày 13/02/2012 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 10/7/2015. Hai bên thỏa T: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn T2 T5; ông T2 được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Thành N. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T2, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông T2, bà T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung - Nợ chung: Cả hai xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí Tòa án: Án phí Hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà T nhận nộp toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008577 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Hoàn trả lại cho bà T số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Thúy